Chi tiết mã HS 3209.10.10

Mã HS	3209.10.10
Mô tả hàng hóa	Sơn và vecni (kể cả các loại men tráng (enamels) và dầu bóng) làm từ các loại polyme tổng hợp hoặc các polyme tự nhiên đã biến đổi về mặt hóa học, đã phân tán hoặc hòa tan trong môi trường nước / - Từ polyme acrylic hoặc polyme vinyl: / - - Vecni (kể cả dầu bóng)
Đơn vị	kg/lít
Thời điểm tạo	03/11/2026 15:34:45
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/32091010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	15	15%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K4871
Thuế NK ưu đãi (MFN)	10	10%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N4871
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q4871
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-KH, TH)	0% (trừ KH, TH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-TH)	0% (trừ TH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
RCEP (Phụ lục E)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	5,5	5,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0/5	0 / 5 (nhiều mức)	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Cần diễn giải
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AIFTA	11	11%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E4761
ATIGA	2022	2022	0	AT!E4722
ATIGA	2023	2023	0	AT!F4722
ATIGA	2024	2024	0	AT!G4722
ATIGA	2025	2025	0	AT!H4722
ATIGA	2026	2026	0	AT!I4722
ATIGA	2027	2027	0	AT!J4722
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E4766
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F4766

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G4766
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H4766
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I4766
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J4766
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E4764
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F4764
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G4764
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H4764
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I4764
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J4764
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F4764
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H4728
AIFTA	30/12/2022	2022	12	AI!F4724
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	11.5	AI!G4724
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	11.5	AI!H4724
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	11	AI!I4724
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	11	AI!J4724
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	11	AI!K4724
VKFTA	2022	2022		VK!4727
VKFTA	2023	2023		VK!4727
VKFTA	2024	2024		VK!4727
VKFTA	2025	2025		VK!4727
VKFTA	2026	2026		VK!4727
VKFTA	2027	2027		VK!4727
VCFTA	2022	2022	2	VC!D4771
VCFTA	2023	2023	1	VC!E4771

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F4771
VCFTA	2025	2025	0	VC!G4771
VCFTA	2026	2026	0	VC!H4771
VCFTA	2027	2027	0	VC!I4771
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D4768
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E4768
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F4768
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G4768
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H4768
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I4768
AHKFTA	2022	2022	10	AKH!D4776
AHKFTA	2023	2023	10	AKH!E4776
AHKFTA	2024	2024	10	AKH!F4776
AHKFTA	2025	2025	10	AKH!G4776
AHKFTA	2026	2026	10	AKH!H4776
AHKFTA	2027	2027	10	AKH!I4776
EVFTA	2022	2022	5	EV-NK!D4747
EVFTA	2023	2023	3,3	EV-NK!E4747
EVFTA	2024	2024	1,6	EV-NK!F4747
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G4747
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H4747
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I4747
UKVFTA	2022	2022	5	UKV!D4749
UKVFTA	2023	2023	3,3	UKV!E4749
UKVFTA	2024	2024	1,6	UKV!F4749
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G4749

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H4749
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I4749
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D4747
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E4747
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F4747
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G4747
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H4747
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I4747
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J4747
RCEP A	2022	2022	9	RCEPT-A!D4768
RCEP A	2023	2023	8	RCEPT-A!E4768
RCEP A	2024	2024	7	RCEPT-A!F4768
RCEP A	2025	2025	6	RCEPT-A!G4768
RCEP A	2026	2026	5	RCEPT-A!H4768
RCEP A	2027	2027	4	RCEPT-A!I4768
RCEP B	2022	2022	9	B!D4768
RCEP B	2023	2023	8	B!E4768
RCEP B	2024	2024	7	B!F4768
RCEP B	2025	2025	6	B!G4768
RCEP B	2026	2026	5	B!H4768
RCEP B	2027	2027	4	B!I4768
RCEP C	2022	2022	9	C!D4768
RCEP C	2023	2023	8	C!E4768
RCEP C	2024	2024	7	C!F4768
RCEP C	2025	2025	6	C!G4768
RCEP C	2026	2026	5	C!H4768

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	4	C!I4768
RCEP D	2022	2022	9,1	D!D4768
RCEP D	2023	2023	8,2	D!E4768
RCEP D	2024	2024	7,3	D!F4768
RCEP D	2025	2025	6,4	D!G4768
RCEP D	2026	2026	5,5	D!H4768
RCEP D	2027	2027	4,5	D!I4768
RCEP E	2022	2022	9	E!D4771
RCEP E	2023	2023	8	E!E4771
RCEP E	2024	2024	7	E!F4771
RCEP E	2025	2025	6	E!G4771
RCEP E	2026	2026	5	E!H4771
RCEP E	2027	2027	4	E!I4771
RCEP F	2022	2022	9	F!D4768
RCEP F	2023	2023	8	F!E4768
RCEP F	2024	2024	7	F!F4768
RCEP F	2025	2025	6	F!G4768
RCEP F	2026	2026	5	F!H4768
RCEP F	2027	2027	4	F!I4768
VIFTA	2024	2024	6.7	VI!F4396
VIFTA	2025	2025	3.3	VI!G4396
VIFTA	2026	2026	0	VI!H4396
VIFTA	2027	2027	0	VI!I4396

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	AHKFTA 10%, AIFTA 11%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (10%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 10%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 3209.10 có 4 dòng thuế; dòng 3209.10.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Vecni (kể cả dầu bóng).	3209.10.40 Sơn cho da thuộc (SEN); 3209.10.50 Sơn chống hà và/hoặc chống ăn mòn dùng để sơn vỏ tàu thủy (SEN); 3209.10.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3209.10.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 10% của mã 3209.10.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N4871), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.